

S... Y BẢN CHÍNH
Ngày... tháng... năm 2016



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Bình Minh

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỠ VINAFOOD1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015

Nghệ An, tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood I - Tổng Công ty Lương thực miền Bắc (gọi tắt là "Chi nhánh") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Chi nhánh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Xuân Lợi	Giám đốc
Ông Lưu Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Lê Sỹ Tích	Phó Giám đốc
Ông Phạm Bình Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Ngô Thị Bích Anh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/07/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

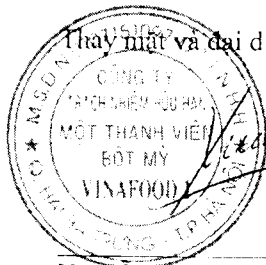
Ban Giám đốc Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood I - Tổng Công ty Lương thực miền Bắc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Chi nhánh trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Chi nhánh ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Chi nhánh và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Chi nhánh đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Lợi
Giám đốc

Nghệ An, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Số: 05/2015/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc**

Ban Giám đốc
Chi nhánh Công ty Bột mì Vinafood1 - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Chi nhánh Công ty Bột mì Vinafood1 - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (gọi tắt là "Chi nhánh"), được lập ngày 17/12/2015 và trình bày từ trang số 05 đến trang số 21, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/11/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Chi nhánh theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Chi nhánh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Chi nhánh liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Chi nhánh Công ty Bột mì Vinafood1 - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, chúng tôi đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc Chi nhánh trích lập dự phòng giảm giá nguyên liệu tồn kho chưa có đủ căn cứ hợp lý theo quy định, với giá trị là 1.252.904.908 VND. Đây là sai sót cơ bản và cần được điều chỉnh hồi tố vào

Báo cáo tài chính năm tài chính 2014 theo qui định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 (VAS 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót) Việc Chi nhánh không điều chỉnh hồi tố sai sót này vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 mà hoàn nhập khoản trích dự phòng này vào kỳ báo cáo hiện tại dẫn tới kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 tăng lên 1.252.904.908 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

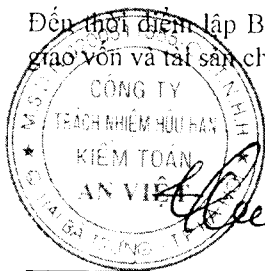
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood1 – Tổng Công ty Lương thực miền Bắc tại ngày 30/11/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 09 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, từ ngày 01/01/2015, Chi nhánh thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định. Theo đó, chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 của Chi nhánh thấp hơn so với mức khấu hao tính theo thời gian khấu hao áp dụng trước ngày 01/01/2015 khoảng 4.335 triệu đồng.

Theo quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chuyển Công ty Bột mỳ Vinafood1 - Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc thành Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1. Ngày 01/12/2015, Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood1 - Tổng Công ty Lương thực miền Bắc chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107151097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ đăng ký là 220 tỷ đồng, chủ sở hữu là Tổng Công ty Lương thực miền Bắc. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 của Chi nhánh được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính kèm theo, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc chưa thực hiện bàn giao vốn và tài sản cho Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán 0308-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán 2909-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 11 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/11/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.153.054.582	277.119.453.192
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32.442.234.351	52.429.939.946
1. Tiền	111		22.442.234.351	30.429.939.946
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	22.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		230.000.000	230.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		230.000.000	230.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.461.350.897	78.656.476.072
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	68.097.544.759	75.996.593.471
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		741.584.634	901.661.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.265.697.265
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	622.221.504	491.960.442
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	563.250
IV. Hàng tồn kho	140	7	115.823.913.712	145.671.111.860
1. Hàng tồn kho	141		115.823.913.712	146.924.016.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.252.904.908)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		195.555.622	131.925.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		187.264.277	126.401.279
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	8.291.345	5.524.035
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.967.738.652	185.872.543.091
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.500.000	12.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	12.500.000	12.500.000
II. Tài sản cố định	220		127.340.243.989	46.847.819.825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	127.340.243.989	46.847.819.825
- Nguyên giá	222		216.931.221.406	116.609.410.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.590.977.417)	(69.761.591.026)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		101.150.000	101.150.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.150.000)	(101.150.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.227.572.110	138.481.078.964
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	38.227.572.110	138.481.078.964
IV. Tài sản dài hạn khác	260		387.422.553	531.144.302
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		387.422.553	531.144.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		384.120.793.234	462.991.996.283

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD I

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 11 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/11/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		384.120.793.234	462.991.996.283
I. Nợ ngắn hạn	310		384.027.113.234	268.213.395.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	5.436.609.852	22.181.708.910
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		176.443.000	220.141.668
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.472.086.939	4.499.548.020
4. Phải trả người lao động	314		954.881.743	1.402.389.160
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	423.350.488	13.061.101.475
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	13	231.532.242.110	31.450.847.383
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	14	490.621.515	223.181.818
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.053.416.019	10.225.436.770
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	140.487.461.568	184.949.040.500
II. Nợ dài hạn	330		93.680.000	194.778.600.579
1. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	194.778.600.579
2. Phải trả dài hạn khác	337		93.680.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		384.120.793.234	462.991.996.283

Nghệ An, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Người lập

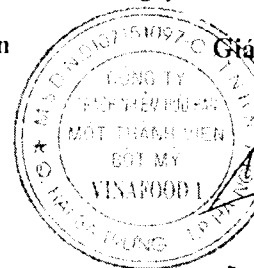
Trưởng phòng Kế toán

Giám đốc

Trần Thị Hào

Lê Đình Hiệp

Nguyễn Xuân Lợi



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015

MẪU SỐ B 02- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	542.193.555.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	15.126.942.082
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		527.066.613.584
4. Giá vốn hàng bán	11	20	501.597.708.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.468.905.180
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	829.232.144
7. Chi phí tài chính	22	22	12.056.039.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.438.696.528
8. Chi phí bán hàng	25	23	9.330.369.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	7.638.541.138
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.726.812.208)
11. Thu nhập khác	31		86.778.272
12. Chi phí khác	32		33.509.515
13. Lợi nhuận khác	40		53.268.757
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.673.543.451)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.673.543.451)

Nghệ An, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Người lập

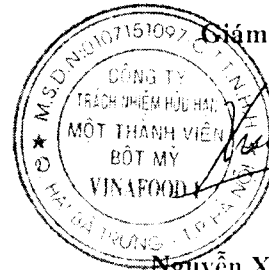
Trưởng phòng Kế toán

Giám đốc

Trần Thị Hào

Lê Đình Hiệp

Nguyễn Xuân Lợi



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.673.543.451)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.024.005.895
- Các khoản dự phòng	03	(1.252.904.908)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.733.874.729
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(714.672.120)
- Chi phí lãi vay	06	3.438.696.528
- Các khoản điều chỉnh khác	07	555.760.539
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.111.217.212
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.079.290.229
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	31.100.103.056
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.481.736.443)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	82.858.751
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.523.866.819)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.389.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.780.607.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.976.258.085
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.483.182.139)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	714.672.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.768.510.019)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3. Tiền thu từ đi vay	33	349.254.536.906
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(396.478.765.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(47.224.228.871)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(20.016.480.805)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	52.429.939.946
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	28.775.210
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.442.234.351

Nghệ An, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Người lập

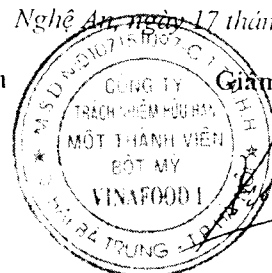
Trưởng phòng Kế toán

Giám đốc

Trần Thị Hảo

Lê Đình Hiệp

Nguyễn Xuân Lợi



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood 1 - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc là đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc được thành lập theo Quyết định số 157/QĐ-TC/ILTMB-HDQT ngày 03 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lương thực miền Bắc. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100102608-009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trụ sở của Chi nhánh đặt tại khối Tân Hòa, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chuyển Công ty Bột mỳ Vinafood 1 - Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc thành Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1. Ngày 01/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107151097 cho Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1 ("Công ty"), với vốn điều lệ đăng ký là 220 tỷ đồng, chủ sở hữu là Tổng Công ty Lương thực miền Bắc. Trụ sở Công ty đặt tại 94 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính kèm theo, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc chưa thực hiện bàn giao vốn và tài sản cho Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động

- Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mỳ và các loại sản phẩm từ bột mỳ;
- Mua bán, đại lý phân bón;
- Mua bán bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ. Mua bán lương thực, thực phẩm;
- Mua bán hàng nông sản, mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Chi nhánh được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Áp dụng Chế độ kế toán mới

Kể từ ngày 01/01/2015 Chi nhánh đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, từ ngày 01/12/2015, Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood1 - Tổng Công ty Lương thực miền Bắc chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1. Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Chi nhánh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 là kỳ báo cáo cuối cùng của Chi nhánh Công ty Bột mỳ Vinafood1 - Tổng Công ty Lương thực miền Bắc. Từ ngày 01/12/2015, Chi nhánh chính thức chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Bột mỳ Vinafood1 thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Chi nhánh áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị có thể thu hồi ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Đối tượng được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi bao gồm các khách hàng có số dư nợ quá hạn theo hợp đồng hoặc mất khả năng thanh toán, phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Chi nhánh được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định cho sản phẩm dở dang tại các phân xưởng, được tính theo giá trị nguyên vật liệu quy đổi. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định thông qua kiểm kê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Từ ngày 01/01/2015, Chi nhánh thay đổi (tăng) thời gian khấu hao của các tài sản cố định đang sử dụng, thời gian khấu hao của các tài sản cố định được xác định lại phù hợp với khung khấu hao được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 24/05/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2015, mức trích khấu hao trung bình hàng năm của các tài sản nêu trên được xác định bằng giá trị còn lại của tài sản cố định trên sổ kế toán tại ngày 01/01/2015 chia (:) thời gian khấu hao còn lại được xác định lại.

Thời gian khấu hao áp dụng từ ngày 01/01/2015 cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Chi nhánh. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Chi nhánh có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Chi nhánh đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Chi nhánh không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Chi nhánh sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Chi nhánh áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Chi nhánh. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản đó đang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó đang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỸ VINAFOOD1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Xác định kết quả kinh doanh và Quan hệ với Tổng Công ty

Kết quả kinh doanh hàng năm của Chi nhánh (Lãi/ lỗ) sẽ được chuyển về Tổng Công ty thông qua tài khoản Phải thu – Phải trả nội bộ.

Các giao dịch vãng lai khác giữa chi nhánh và Tổng Công ty như quan hệ vay mượn, thu nộp, cấp phát vốn... được theo dõi và hạch toán trên tài khoản Phải trả nội bộ ngắn hạn – dài hạn (Chi nhánh - Tổng Công ty).

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định và nộp tập trung tại Tổng Công ty.

Các khoản thuế khác chi nhánh kê khai và nộp trực tiếp tại địa phương nơi đóng trụ sở, được thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/11/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	403.863.884	620.019.542
Tiền gửi ngân hàng	10.423.748.467	12.470.920.404
Tiền đang chuyển	11.614.622.000	17.339.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	<u>32.442.234.351</u>	<u>52.429.939.946</u>

(*) Tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/11/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	68.097.544.759	75.996.593.471
Công ty TNHH Khải Minh	23.636.235.690	22.833.387.540
Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Hưng Yên	10.882.104.550	9.290.995.800
Công ty TNHH Công nghệ Thực phẩm Châu Á	2.431.626.349	4.932.167.909
Công ty Cổ phần Quốc tế TCD	5.458.763.815	4.710.705.160
Các đối tượng khác	25.688.814.355	34.229.337.062
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>68.097.544.759</u>	<u>75.996.593.471</u>

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/11/2015	01/01/2015
	VND	VND
CN Công ty CP XD và CB Lương thực Vinh Hà - Trung tâm kinh doanh lương thực Gia Lâm	-	207.375.000

6. PHẢI THU KHÁC

	30/11/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	622.221.504	-	491.960.442	-
- Phải thu về tạm ứng	567.948.756	-	489.960.442	-
- Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-	2.000.000	-
- Phải thu khác	52.272.748	-	-	-
Dài hạn	12.500.000	-	12.500.000	-
- Ký cược, ký quỹ	12.500.000	-	12.500.000	-
Cộng	634.721.504	-	504.460.442	-

7. HÀNG TỒN KHO

	30/11/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	11.173.942	-	3.548.852.145	-
Nguyên liệu, vật liệu	109.306.069.123	-	135.105.949.040	1.252.904.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.033.067.511	-	1.134.694.558	-
Thành phẩm	5.473.603.136	-	6.921.988.725	-
Hàng gửi bán	-	-	212.532.300	-
Cộng	115.823.913.712	-	146.924.016.768	1.252.904.908

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/11/2015	01/01/2015
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	-	154.767.440
Xây dựng cơ bản dở dang	38.227.572.110	138.326.311.524
- Dự án 94 Lương Yên	38.227.572.110	37.259.994.554
- Dây chuyền 2 Nhà máy Bảo Phước	-	101.066.316.970
Cộng	38.227.572.110	138.481.078.964

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỸ VINAFOODI**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	40.490.232.867	66.703.556.633	9.379.115.351	36.506.000	116.609.410.851
Dầu tư xây dựng hoàn thành	51.291.460.489	47.791.300.128	1.239.049.938	-	100.321.810.555
Tại ngày 30/11/2015	91.781.693.356	114.494.856.761	10.618.165.289	36.506.000	216.931.221.406
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	14.497.870.522	48.944.166.623	6.283.047.881	36.506.000	69.761.591.026
Khấu hao trong kỳ	2.154.817.934	3.493.463.910	498.777.738	-	6.147.059.582
Tăng khác (*)	5.212.061.915	8.099.727.440	370.537.454	-	13.682.326.809
Tại ngày 30/11/2015	21.864.750.371	60.537.357.973	7.152.363.073	36.506.000	89.590.977.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	25.992.362.345	17.759.390.010	3.096.067.470	-	46.847.819.825
Tại ngày 30/11/2015	69.916.942.985	53.957.498.788	3.465.802.216	-	127.340.243.989
Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao đang sử dụng	1.725.201.670	1.822.929.856	3.408.267.994	36.506.000	6.992.905.520

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, từ ngày 01/01/2015, Chi nhánh thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định. Theo đó, chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của Chi nhánh thấp hơn so với mức khấu hao tính theo thời gian khấu hao áp dụng trước ngày 01/01/2015 khoảng 4.335 triệu đồng.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/11/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	5.436.609.852	5.436.609.852	22.181.708.910	22.181.708.910
Công ty TNHH Hoa Hạ Việt Nam	467.660.200	467.660.200	-	-
Công ty Cổ phần XNK và xây dựng Bạch Đằng	-	-	5.155.228.561	5.155.228.561
Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Phú Quý	381.171.746	381.171.746	342.688.260	342.688.260
Công ty CP xây dựng số 12	909.591.576	909.591.576	4.638.907.196	4.638.907.196
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Nhất Thành	2.704.931.250	2.704.931.250	-	-
Đối tượng khác	973.255.080	973.255.080	12.044.884.893	12.044.884.893
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.436.609.852	5.436.609.852	22.181.708.910	22.181.708.910

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOODI**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/11/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.294.159.852	33.332.450.056	35.154.522.969	2.472.086.939
Thuế nhập khẩu	-	15.825.760.810	15.825.760.810	-
Thuế thu nhập cá nhân	(5.524.035)	62.723.387	65.490.697	(8.291.345)
Thuế đất, tiền thuê đất	63.645.000	936.454.442	1.000.099.442	-
Các loại thuế khác	141.743.168	2.000.000	143.743.168	-
Cộng	4.494.023.985	50.159.388.695	52.189.617.086	2.463.795.594

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/11/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	423.350.488	13.061.101.475
- Lãi vay phải trả	87.363.543	172.533.834
- Khấu hao TSCĐ chưa được Tổng công ty bàn giao	-	12.452.545.641
- Các khoản trích trước khác	335.986.945	436.022.000
Dài hạn	-	-
Cộng	423.350.488	13.061.101.475

13. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	30/11/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	231.532.242.110	31.450.847.383
- Lợi nhuận phải trả Tổng công ty	3.541.175.532	6.214.718.983
- Khấu hao TSCĐ nộp Tổng công ty	43.799.817.526	25.236.128.400
- Vốn cố định cấp trên cấp	127.565.818.309	-
- Vốn lưu động nhận của cấp trên	30.014.600.000	-
- Phải trả khác	26.610.830.743	-
Dài hạn	-	194.778.600.579
- Vốn cố định cấp trên cấp	-	47.073.394.145
- Vốn lưu động nhận của cấp trên	-	30.014.600.000
- Phải trả khác	-	117.690.606.434
Cộng	231.532.242.110	226.229.447.962

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/11/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	490.621.515	223.181.818
- Doanh thu nhận trước	490.621.515	223.181.818
Dài hạn	-	-
Cộng	490.621.515	223.181.818

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỸ VINAFOOD I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong kỳ		30/11/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	184.949.040.500	184.949.040.500	352.017.186.845	396.478.765.777	140.487.461.568	140.487.461.568
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	122.219.021.307	122.219.021.307	99.296.398	122.318.317.705	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (a)	-	-	284.138.427.005	164.542.341.557	119.596.085.448	119.596.085.448
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (b)	62.730.019.193	62.730.019.193	67.779.463.442	109.618.106.515	20.891.376.120	20.891.376.120
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	184.949.040.500	184.949.040.500	352.017.186.845	396.478.765.777	140.487.461.568	140.487.461.568

(a) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HĐTDHM/NHCT106-VINACOMIN nhằm bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay 250 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại 30/11/2015 bao gồm 16.512.551.000 VND và 4.575.390 USD tương đương 103.083.525.435 VND

(b) Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số 12120/24-14/TDNH ngày 16/09/2014 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại 30/11/2015 là 927.681 USD tương đương 20.891.376.120 VND.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOODI**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/11/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	2.053.416.019	10.225.436.770
- Kinh phí công đoàn	180.164.722	473.438.599
- Bảo hiểm xã hội	-	67.311.857
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	48.998.786
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.873.251.297	9.635.687.528
Dài hạn	93.680.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	93.680.000	-
Cộng	<u>2.147.096.019</u>	<u>10.225.436.770</u>

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	<u>30/11/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Đô la Mỹ (USD)	830,07	801,38

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015</u>
	VND
Doanh thu bán hàng	540.058.907.761
- <i>Doanh thu bán bột mỳ, cám mỳ</i>	493.323.703.725
- <i>Doanh thu bán gạo</i>	19.557.615.000
- <i>Doanh thu bán ngô</i>	-
- <i>Doanh thu bán lúa mì</i>	26.876.825.400
- <i>Doanh thu bán cám mì viên</i>	-
- <i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	300.763.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.010.619.151
Doanh thu khác	124.028.754
Cộng	<u>542.193.555.666</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015</u>
	VND
CN Công ty CP XD và CB Lương thực Vĩnh Hà - Trung tâm kinh doanh lương thực Gia Lâm	900.466.500
Công ty CP XD và CB Lương thực Vĩnh Hà	56.160.000

**TONG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015
	VND
Chiết khấu thương mại	15.114.357.082
Giảm giá hàng bán	12.585.000
Cộng	15.126.942.082

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015
	VND
Giá vốn hàng bán	502.850.613.312
- Giá vốn bán bột mỳ, cám mỳ	458.113.944.193
- Giá vốn bán gạo	19.289.042.410
- Giá vốn bán ngô	-
- Giá vốn bán lúa mì	25.158.549.759
- Giá vốn bán cám mì viên	-
- Giá vốn bán hàng hóa khác	289.076.950
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.252.904.908)
Cộng	501.597.708.404

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015
	VND
Lãi tiền gửi	714.672.120
Lãi chênh lệch tỷ giá	114.560.024
Cộng	829.232.144

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015
	VND
Lãi tiền vay	3.438.696.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.617.342.518
Cộng	12.056.039.046

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỸ VINAFOOD1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B09 - DN

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

**Từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/11/2015**

VND

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	7.638.541.138
- Chi phí nhân viên quản lý	2.800.781.001
- Chi phí nguyên vật liệu	9.397.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	324.581.152
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.513.497
- Thuế, phí, lệ phí	1.822.077.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.166.329
- Chi phí bằng tiền khác	1.484.024.492
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	9.330.369.348
- Chi phí nhân viên	1.183.060.868
- Chi phí nguyên, vật liệu, bao bì	8.569.888
- Chi phí công cụ, đồ dùng bán hàng	48.144.221
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	675.577.421
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.612.640.775
- Chi phí bằng tiền khác	1.802.376.175

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

**Từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/11/2015**

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	439.170.351.991
Chi phí nhân công	6.943.140.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.024.005.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.658.859.413
Chi phí khác bằng tiền	6.442.455.238
Chi phí dự phòng	(1.252.904.908)
Cộng	471.985.908.033

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 01/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107151097 cho Công ty TNHH Một thành viên Bột mỹ Vinafood1 ("Công ty"), với vốn điều lệ đăng ký là 220 tỷ đồng, chủ sở hữu là Tổng Công ty Lương thực miền Bắc.

Ngoài vấn đề nêu trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Chi nhánh cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CHI NHÁNH CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD1**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu tại ngày 01/01/2015 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu chuyển sang tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Chi nhánh không trình bày số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan do Chi nhánh không lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/11/2014.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Chi nhánh đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được phân loại lại nhằm đảm bảo có thể so sánh được với số liệu tương ứng phản ánh trên báo cáo tài chính cho kỳ hiện tại, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	491.960.442	491.960.442
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	563.250	563.250
Tài sản ngắn hạn khác	155	492.523.692	-	(492.523.692)
Phải thu dài hạn khác	216	-	12.500.000	12.500.000
Tài sản dài hạn khác	268	12.500.000	-	(12.500.000)
Cộng		505.023.692	505.023.692	-
Nợ phải trả				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	223.181.818	223.181.818
Doanh thu chưa thực hiện	337	223.181.818	-	(223.181.818)
Cộng		223.181.818	223.181.818	-

Nghệ An, ngày 17 tháng 12 năm 2015

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Giám đốc

Trần Thị Hảo

Lê Đình Hiệp

Nguyễn Xuân Lợi

